

BÁO CÁO

**Về việc công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty
TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Tân Thuận dạng tóm lược**

Căn cứ Khoản 2, Điều 13 Quy chế công bố thông tin, ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng thành viên Công ty.

Tổng Giám đốc công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty dạng tóm lược như sau:

1. Bảng cân đối kế toán niên độ năm 2024 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 01b-DN).
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ năm 2024 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 02b-DN).
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ niên độ năm 2024 dạng tóm lược (đính kèm mẫu số B 03b-DN).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- HĐTV (để báo cáo);
- Kiểm soát viên (để báo cáo);
- Ban Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng TC-KT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Cảnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NIÊN ĐỘ NĂM 2024 (Dạng tóm lược)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100= 110+120+130+140+150)	100		677.048.194.521	693.326.411.469
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		161.539.913.934	5.293.989.664
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		127.700.000.000	297.921.090.380
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.720.540.774	28.200.969.012
IV. Hàng tồn kho	140		354.157.605.119	349.508.604.068
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.930.134.694	12.401.758.345
B - TÀI SẢN DÀI HẠN(200= 210+220+240+250+260)	200		228.231.895.710	228.108.233.531
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.340.606.435	16.178.734.492
II. Tài sản cố định	220		5.213.836.080	4.139.310.788
III. Bất động sản đầu tư	230		31.208.294.877	33.006.031.281
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		174.436.280.090	174.436.280.090
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.032.878.228	347.876.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		905.280.090.231	921.434.645.000
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		730.605.149.681	741.430.573.170
I. Nợ ngắn hạn	310		726.089.649.681	736.195.523.170
II. Nợ dài hạn	330		4.515.500.000	5.235.050.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		174.674.940.550	180.004.071.830
I. Vốn chủ sở hữu	410		174.674.940.550	180.004.071.830
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		905.280.090.231	921.434.645.000

Người lập biểu


Võ Thị Thúy Kiều

Kế toán Trưởng


Võ Đình Phi Linh

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NIÊN ĐỘ NĂM 2024
(Dạng tóm lược)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.940.295.766	99.407.963.596
2. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31		46.020.083.858	18.811.806.568
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		98.597.680.450	63.026.448.183
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		78.850.571.480	50.374.964.835

Người lập biểu

Võ Thị Thúy Kiều

Kế toán trưởng

Võ Đình Phi Linh

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Cảnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NIÊN ĐỘ NĂM 2024
(Dạng tóm lược)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4	5
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		20.933.090.533	75.803.064.706
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		189.028.963.606	(38.699.288.865)
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.716.129.869)	(42.004.378.230)
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		156.245.924.270	(4.900.602.389)
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.293.989.664	10.194.592.053
6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
7. Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61+62)	70		161.539.913.934	5.293.989.664

TP. HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thị Thúy Kiều

Võ Đình Phi Linh



Nguyễn Hữu Cảnh